

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh P

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 07-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 256/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Văn P, sinh năm 1990 tại tỉnh Đ; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn D, sinh năm 1971 và bà Võ Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị truy nã và bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu H; địa chỉ: Số 16/12/1 đường số 9, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Mộng T - Tổng giám đốc. là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Ph, Trương Văn H (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C) và Cao Văn C (sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh K) là công nhân của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu H (gọi tắt là Công ty H), địa chỉ: Số 16/12/1 đường số 9, Phường 5, quận G, Thành phố H và được giao nhiệm vụ làm thợ sơn tại công trình xây dựng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D, địa chỉ: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B do Công ty H thầu thi công. Trong quá trình làm việc, P phát hiện sau giờ làm việc (khoảng 17 giờ hàng ngày) các thùng sơn của Công ty H để tại công trình không ai trông coi và do cần tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý định trộm cắp thùng sơn bán lấy tiền.

Thực hiện ý định, khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/7/2017, sau khi tan ca, P điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) quay lại công trình xây dựng Công ty D lén lút lấy trộm 05 (năm) cặp thùng sơn gồm: 05 (năm) thùng sơn hiệu Samhwa Epocoat 210 Grey <A> loại 12,8 lít và 05 (năm) thùng sơn hiệu Samhwa Epocoat 210 Grey loại 3,2 lít, rồi chở ra vườn cao su phía trước công trình cất giấu. Sau đó, Đến phòng trọ của H tại nhà trọ không tên thuộc khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B, P nói với H là P đã trộm được 05 (năm) cặp thùng sơn, nhờ H tìm người mua. H đồng ý và gọi điện thoại cho C hỏi có biết ai mua sơn không. C biết Nguyễn Văn T (sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã V, huyện V, tỉnh K) làm về sơn và biết người cần mua sơn nên C kêu H và P đến phòng trọ của T tại nhà trọ G thuộc khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh B gặp T nói chuyện. Tại đây, H nói với T là P trộm được 05 (năm) cặp thùng sơn muốn bán, T đồng ý mua với giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) một cặp. Sau khi thỏa thuận xong, P thuê xe ba gác chở sơn đến nhà trọ của T, T đưa P 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm nghìn đồng), P chia cho H 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), còn 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) P cất giữ. Sau khi mua 05 (năm) cặp thùng sơn, T bán lại cho Trần Trọng B (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh BĐ) được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Số tiền có được, P, H và T tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của thị xã B, kết luận: 05 (năm) thùng sơn hiệu Samhwa Epocoat 210 Grey <A> loại 12,8 lít giá trị 1.200.000 đ/thùng x 05 thùng = 6.000.000 đồng và 05 (năm) thùng sơn hiệu Samhwa Epocoat 210 Grey

loại 3,2 lít giá trị 300.000 đ/thùng x 5 thùng = 1.500.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 14/8/2017, sau khi phát hiện mất tài sản, bà Trần Thị Mộng T là đại diện theo pháp luật của Công ty H đến Công an phường T trình báo. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Điều tra Công an thị xã B xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 18/8/2017, Cơ quan Điều tra Công an thị xã B tiến hành bắt khẩn cấp đối với Trương Văn H, Nguyễn Văn T và Cao Văn C. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân thị xã B đưa vụ án ra xét xử, tuyên xử H, T và C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009

Đối với Phan Văn P sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn. Đến ngày 08/9/2020, P bị Công an phường Thuận An, thành phố T, tỉnh B bắt theo Quyết định truy nã số 14 ngày 09/10/2017 của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B.

Đối với xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) do Phan Văn P sử dụng làm phương tiện phạm tội, trong thời gian bỏ trốn P đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) nên không thu giữ được.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Phan Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 265/CT-VKSBC ngày 24/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Phan Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại Bản Cáo trạng số 265/CT-VKSBC ngày 24/11/2020 đối với bị cáo Phan Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong theo Bản án số 183/2017/HSST ngày 28/12/2017. Về vật chứng: Cần buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng đã bán xe mô tô để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Phan Văn P đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 265/CT-

VKSBC ngày 24/11/2020 và Kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phan Văn P : Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/7/2017 tại công trình xây dựng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D, địa chỉ: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B, Phan Văn P có hành vi lén lút lấy trộm trộm 05 (năm) cặp thùng sơn trị giá 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu H.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Phan Văn P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 265/CT-VKSBC ngày 24/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong T xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc trường hợp khó khăn, các con bị cáo còn nhỏ nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu H đã được bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) do Phan Văn P sử dụng làm phương tiện phạm tội, trong thời gian bỏ trốn P đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 136 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 08/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Phan Văn P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày NH được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm Nguyễn Kim Lý

Lại Thị Ngọc Bích